TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST Ngày: 12/5/2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thơm**.

Ông **Nguyễn Văn Hoàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết Q, sinh năm 1985.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị A, sinh năm 1988.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và có đơn, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Viết Q *trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/5/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong cách nuôi dậy con cái, công việc của anh thường hay vắng nhà nhưng chị không thông cảm mà thường xuyên nặng lời, cãi nhau với anh. Mâu thuẫn của vợ chồng được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không thay đổi. Năm 2015 chị P đi lao động tại Đài Loan. Cuối năm 2015, anh Q đánh bạc nên phải đi cải tạo tập trung thời gian 16 tháng. Từ đó vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Sau khi hết hạn cải tạo anh trở về địa phương một thời gian thì sang Lào làm ăn. Năm 2018, chị P về nước để làm thủ tục ly hôn nhưng anh không có nhà nên năm 2019 chị P tiếp tục sang Hàn Quốc làm ăn đến nay chưa về nước. Vợ chồng sống xa cách nhiều năm, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 15/11/2013, hiện cháu L đang ở với anh trai và chị dâu là Đỗ Thị A. Anh Q nhất trí giao con chung cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị P không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí giao con cho chị Đỗ Thị A chăm sóc cho đến khi chị P về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B *(là anh trai chị* P*) trình bày*: Anh không biết địa chỉ cụ thể của chị P ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, chị P và anh vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại; anh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị P biết. Qua liên lạc, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Chị P xác định vợ chồng có 01 con chung như anh Q trình bày là đúng. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho chị dâu anh Q là chị Đỗ Thị A chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung mà để vợ chồng tự thống nhất, giải quyết.

Chị Đỗ Thị A có quan điểm: Đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc L cho đến khi chị Nguyễn Thị P về nước, chị không yêu cầu anh Q, chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Ngọc L, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Q, chị P đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng anh Q, chị P chung sống với nhau được một thời gian thì chị P đi lao động ở nước ngoài, chị có về phép một lần sau đó lại tiếp tục đi làm ăn đến nay chưa về nước. Anh Q vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tại trại giam, sau đó anh sang Lào làm ăn đến nay đã về nước. Vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Q có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại Công an xã L thể hiện: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị P là anh em có cùng cha, cùng mẹ.

Con chung của anh Q và chị P là cháu Nguyễn Ngọc L có nguyện vọng được ở với chị P và chị Đỗ Thị A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Nguyễn Viết Q ly hôn chị Nguyễn Thị P. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 15/11/2013 cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc L cho chị Đỗ Thị A chăm sóc trong thời gian chị P không có mặt tại Việt Nam. Anh Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Viết Q sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị P có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện nay chị P đang lao động tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ

án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị P ở Hàn Quốc. Tòa án đã đề nghị gia đình chị P cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án giao các văn bản tố tụng cho anh B (là anh trai) chị P. Anh B xác định đã thông báo cho chị P biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Q và chị P; đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị P có quan điểm (thông qua anh B) đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Viết Q và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/5/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau đến khi sinh con thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Năm 2015, chị P đi lao động tại Đài Loan đến năm 2018 chị về nước. Năm 2019, chị P tiếp tục đi lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về nước. Năm 2015, anh Q vi phạm pháp luật nên phải đi cải tạo tập trung trong thời gian 16 tháng. Sau khi hết hạn cải tạo anh sang Lào làm ăn, hiện đã về nước. Vợ chồng chủ yếu sống xa nhau mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P. Thông qua anh Nguyễn Văn B (anh trai chị P), chị P cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Q ly hôn chị P là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Viết Q và chị Nguyễn Thị P có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 15/11/2013, hiện con đang ở với chị dâu anh Q là chị Đỗ Thị A. Anh Q và chị P thống nhất giao con chung cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Anh Q tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Con chung Nguyễn Ngọc L có nguyện vọng được ở với chị P. Chị P ủy quyền cho chị Đỗ Thị A chăm sóc con chung Nguyễn Ngọc L cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Nguyễn Ngọc L cho chị Đỗ Thị Anh nuôi d trong thời gian chị P không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q, chị P cùng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Viết Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Viết Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Viết Q ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị P được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 15/11/2013 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc L cho chị Đỗ Thị Anh nuôi d trong thời gian chị P không có mặt tại Việt Nam.

Anh Nguyễn Viết Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị P *có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh* Q *không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Anh Nguyễn Viết Q phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0003952 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Viết Q phải chịu cả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Viết Q và chị Đỗ Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn